

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 – 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 – 54

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi hai (22) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Sự	Thành viên	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Pornchai Lueang-a-papong	Thành viên	
Ông Vũ Hữu Điền	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2014
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Trưởng Ban	bổ nhiệm từ ngày 6 tháng 5 năm 2014
Ông Lâm Hoàng Hải	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2014

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Văn Sự	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Rõ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sự.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc:




Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2014

Số tham chiếu: 60752790/16998318LR_separate

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 54 bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Tuy không đưa ra báo cáo chấp nhận từng phần, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong đó trình bày việc Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
số: 2223-2013-004-1

Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.756.255.977	6.977.778.926
110	I. Tiền		1.533.369.616	1.547.434.971
111	1. Tiền	4	1.533.369.616	1.547.434.971
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		81.783.240	81.783.240
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.718.087.622	4.896.625.397
131	1. Phải thu khách hàng	6	518.826.862	266.389.930
132	2. Trả trước cho người bán	7	155.917.405	174.358.988
135	3. Các khoản phải thu khác	8	6.043.343.355	4.455.876.479
140	IV. Hàng tồn kho		375.670.077	430.469.806
141	1. Hàng tồn kho	9	375.670.077	430.469.806
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		47.345.422	21.465.512
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.027.903	3.353.890
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		23.959.598	9.327.311
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.133.852	919.928
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	19.224.069	7.864.383
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.701.178.235	14.749.502.651
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.176.716.269	3.636.154.213
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	3.176.716.269	3.636.154.213
220	II. Tài sản cố định		461.739.091	601.569.859
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	333.697.718	345.055.354
222	Nguyên giá		440.658.486	440.944.357
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(106.960.768)	(95.889.003)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	73.783.035	64.469.255
228	Nguyên giá		77.360.406	67.103.840
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.577.371)	(2.634.585)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	54.258.338	192.045.250
240	III. Bất động sản đầu tư	15	14.501.141	14.751.160
241	1. Nguyên giá		15.001.180	15.001.180
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(500.039)	(250.020)
250	IV. Các khoản đầu tư dài hạn		10.980.890.861	10.434.072.301
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	10.064.072.560	10.064.072.560
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	5.171.000	5.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	17	942.432.451	364.999.741
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(30.785.150)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		67.330.873	62.955.118
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	66.863.313	62.487.558
268	2. Tài sản dài hạn khác		467.560	467.560
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.457.434.212	21.727.281.577


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		11.918.221.214	10.210.923.764
310	I. Nợ ngắn hạn		6.576.182.423	5.340.419.457
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	19	3.139.580.210	2.531.117.421
312	2. Phải trả cho người bán	20	92.309.122	45.314.463
313	3. Người mua trả tiền trước	21	778.892.216	539.864.629
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	1.577.156	36.678.722
315	5. Phải trả người lao động		9.760.140	6.689.661
316	6. Chi phí phải trả	23	369.022.978	213.643.139
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	24	2.134.860.497	1.915.062.194
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		50.180.104	52.049.228
330	II. Nợ dài hạn		5.342.038.791	4.870.504.307
333	1. Phải trả dài hạn khác		8.045.918	7.890.919
334	2. Vay và nợ dài hạn	25	5.333.992.873	4.862.613.388
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.539.212.998	11.516.357.813
410	I. Vốn chủ sở hữu	26.1	11.539.212.998	11.516.357.813
411	1. Vốn cổ phần		7.181.546.930	7.181.546.930
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.544.438.784	3.544.438.784
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.622.737	8.622.737
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		231.398.596	230.027.423
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		573.205.951	551.721.939
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.457.434.212	21.727.281.577

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (US\$)	648.340	74.076
- Euro (EUR)	543	554


Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Ngày 26 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	580.885.245	584.436.695
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(1.056.444)	(222.227)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	579.828.801	584.214.468
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(450.386.652)	(504.191.270)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		129.442.149	80.023.198
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	467.707.725	675.654.648
22	7. Chi phí tài chính	29	(478.381.929)	(550.691.564)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(439.855.419)	(511.569.750)
24	8. Chi phí bán hàng		(33.976.265)	(30.391.345)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(49.292.389)	(43.203.971)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.499.291	131.390.966
31	11. Thu nhập khác	30	2.249.751	5.255.664
32	12. Chi phí khác	30	(1.714.473)	(19.488.354)
40	13. Lãi (lỗ) khác	30	535.278	(14.232.690)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		36.034.569	117.158.276
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	(8.611.110)	(35.487.109)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	(329.723)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		27.423.459	81.341.444


Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		36.034.569	117.158.276
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ	12, 13, 15	12.442.313	11.654.436
03	Các khoản dự phòng		30.785.150	5.391.850
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	27.2	(6.478.643)	(4.151.924)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(459.669.221)	(671.001.310)
06	Chi phí đi vay	29	439.855.419	511.569.750
08	Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		52.969.587	(29.378.922)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(148.061.053)	872.300.504
10	Giảm hàng tồn kho		54.799.729	79.228.766
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		276.870.383	(67.077.005)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(3.954.256)	45.321.737
13	Tiền lãi vay đã trả		(283.872.577)	(561.783.388)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31	(44.836.922)	(4.241.016)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.308.618)	(3.457.803)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(101.393.727)	330.912.873
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(14.414.930)	(18.392.931)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		159.580	-
23	Tiền chi cho vay		(3.028.128.218)	(1.098.110.511)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.557.959.012	1.656.525.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(226.574.600)	(1.735.317.322)
26	Tiền thu hồi bán lại các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		161.134.000	270.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận đã nhận		325.760.126	131.914.325
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.224.105.030)	(793.381.439)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	1.052.599.770
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận		3.396.197.984	2.191.397.679
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.084.764.582)	(1.793.998.258)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.311.433.402	1.449.999.191

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
50	(Giảm) tăng tiền thuần trong kỳ		(14.065.355)	987.530.625
60	Tiền đầu kỳ	4	1.547.434.971	782.646.261
70	Tiền cuối kỳ	4	1.533.369.616	1.770.176.886



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi hai (22) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“ngàn VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày ở Thuyết minh số 16.1 (“Tập đoàn”) và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam.

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cây cao su của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.9 **Thuê tài sản**

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoản thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan phát hành trái phiếu, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn trái phiếu (từ 3 đến 5 năm);
- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.12 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Số tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Dự án mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.16 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

► Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác.

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Tiền gửi ngân hàng	1.532.070.903	1.546.712.424
Tiền mặt tại quỹ	1.289.623	711.344
Tiền đang chuyển	9.090	11.203
TỔNG CỘNG	<u>1.533.369.616</u>	<u>1.547.434.971</u>

Tập đoàn đã thế chấp 194.000.000 ngàn VNĐ khoản tiền gửi ngân hàng nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu (*Thuyết minh số 25*) (Ngày 31 tháng 12 năm 2013: 644.000.000 ngàn VNĐ).

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 thể hiện giá trị tài sản ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo này.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	179.524.683	101.925.189
Phải thu từ chuyển giao tài sản cố định cho công ty con	121.731.339	-
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	120.464.257	74.411.578
Phải thu tiền bán căn hộ	97.106.583	90.053.163
TỔNG CỘNG	<u>518.826.862</u>	<u>266.389.930</u>

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 275.658.393 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (*Thuyết minh số 32*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	151.656.438	131.871.026
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị	4.260.967	42.487.962
TỔNG CỘNG	155.917.405	174.358.988

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 92.000.120 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (*Thuyết minh số 32*).

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	4.390.865.951	2.834.606.377
Cho vay ngắn hạn các công ty	1.452.994.229	1.271.809.824
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	139.107.600	300.241.600
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	3.467.160	4.062.480
Các khoản khác	56.908.415	45.156.198
TỔNG CỘNG	6.043.343.355	4.455.876.479

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Chi phí của các căn hộ	279.072.637	360.052.776
Thành phẩm	18.370.574	11.219.900
Hàng hóa	17.965.161	23.154.428
Sản phẩm dở dang	45.018.692	29.632.387
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	25.309.132	18.508.408
<i>Sản xuất</i>	19.673.560	10.949.406
<i>Dịch vụ</i>	36.000	174.573
Nguyên vật liệu	5.224.431	651.854
Vật liệu xây dựng	9.503.393	4.952.734
Công cụ, dụng cụ	515.189	805.727
TỔNG CỘNG	375.670.077	430.469.806

Bao gồm trong chi phí của các căn hộ, dự án Bàu Thạc Gián đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (*Thuyết minh số 25.3*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Các khoản tạm ứng cho nhân viên phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh	19.173.949	7.795.377
Các khoản khác	50.120	69.006
TỔNG CỘNG	19.224.069	7.864.383

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú (“An Phú”) vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV – HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013. Khoản vay này được bảo đảm bởi ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay và có lãi suất là 13% mỗi năm. Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL – AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, các tài sản của An Phú sau khi thực hiện các nghĩa vụ đảm bảo khác thì số còn lại sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2013, Công ty chào bán cổ phiếu của Công ty trong An Phú cho các cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ sở hữu tương ứng của họ theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 19 tháng 11 năm 2013 với giá bán bằng mệnh giá theo giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 61/GCN-UBCK được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Số cổ phiếu không bán hết do các cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua đã được chào bán cho các đối tượng khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Việc phát hành lần đầu ra công chúng này đã được phê duyệt bởi cổ đông Công ty trong nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 9 tháng 10 năm 2013 lấy ý kiến bằng văn bản. Vào ngày 26 tháng 12 năm 2013, việc chào bán này đã hoàn tất và Công ty đã gửi báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các quy định hiện hành.

Phát sinh trong kỳ của khoản phải thu dài hạn khác từ An Phú được chi tiết như sau:

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Gốc vay</i>	<i>Lãi</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu kỳ	3.536.270.880	99.883.333	3.636.154.213
Tăng trong kỳ	200.900.000	226.183.056	427.083.056
Trả trong kỳ	(594.037.944)	(292.483.056)	(886.521.000)
Số cuối kỳ	3.143.132.936	33.583.333	3.176.716.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Ngàn VNĐ
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	320.323.155	60.582.987	47.848.342	3.926.700	6.689.440	1.573.733	440.944.357
Tăng trong kỳ	-	-	-	38.990	-	-	38.990
Thanh lý trong kỳ	-	(270.461)	(54.400)	-	-	-	(324.861)
Số dư cuối kỳ	320.323.155	60.312.526	47.793.942	3.965.690	6.689.440	1.573.733	440.658.486
Khấu hao lũy kế							
Số dư đầu kỳ	50.712.061	20.292.559	18.877.583	2.226.828	2.852.506	927.466	95.889.003
Tăng trong kỳ	4.866.079	2.958.093	2.622.659	225.273	479.617	97.787	11.249.508
Thanh lý trong kỳ	-	(176.448)	(1.295)	-	-	-	(177.743)
Số dư cuối kỳ	55.578.140	23.074.204	21.498.947	2.452.101	3.332.123	1.025.253	106.960.768
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	269.611.094	40.290.428	28.970.759	1.699.872	3.836.934	646.267	345.055.354
Số dư cuối kỳ	264.745.015	37.238.322	26.294.995	1.513.589	3.357.317	548.480	333.697.718
Trong đó:							
Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các cho khoản vay (Thuyết minh số 19 và 25)	264.745.015	37.238.322	-	-	-	-	301.983.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	62.188.433	4.915.407	67.103.840
Tăng trong kỳ (<i>Thuyết minh số 14</i>)	-	10.256.566	10.256.566
Số dư cuối kỳ	<u>62.188.433</u>	<u>15.171.973</u>	<u>77.360.406</u>
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	2.634.585	2.634.585
Tăng trong kỳ	-	942.786	942.786
Số dư cuối kỳ	-	<u>3.577.371</u>	<u>3.577.371</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	<u>62.188.433</u>	<u>2.280.822</u>	<u>64.469.255</u>
Số dư cuối kỳ	<u>62.188.433</u>	<u>11.594.602</u>	<u>73.783.035</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 19 và 25)</i>	62.188.433	-	62.188.433

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	29.959.853	30.715.685
Chi phí trồng cây cao su	23.389.781	23.389.781
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP (*)	-	129.918.903
Các công trình xây dựng khác	908.704	8.020.881
TỔNG CỘNG	<u>54.258.338</u>	<u>192.045.250</u>

(*) Sau khi hoàn thành dự án Triển khai phần mềm SAP, Công ty đã ghi nhận vào tài sản cố định một phần giá trị của dự án trị giá 10.256.566 ngàn VNĐ (*Thuyết minh số 13*) và phân bổ phần giá trị còn lại của dự án cho các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Nhà cửa,</i>
	<i>vật kiến trúc</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	<u>15.001.180</u>
Giá trị hao mòn	
Số dư đầu kỳ	250.020
Tăng trong kỳ	<u>250.019</u>
Số cuối kỳ	<u>500.039</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	<u>14.751.160</u>
Số cuối kỳ	<u>14.501.141</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các</i>	
<i>khoản vay (Thuyết minh số 25)</i>	<i>14.501.141</i>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của tài sản này, Ban giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

16.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Các Tổng Công ty con quản lý ngành						
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	Đang hoạt động	92,13	3.830.831.000	92,13	3.830.831.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	98,18	3.253.537.647	98,18	3.253.537.647
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	92,78	1.531.579.575	92,78	1.531.579.575
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	99,78	1.241.736.052	99,78	1.241.736.052
Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ						
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	99,00	99.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) (i)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	Đang hoạt động	94,50	977.486	94,50	977.486
				10.064.072.560		10.064.072.560

(i) Trước hoạt động thể hiện tình hình công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

16.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2014			Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	Đang hoạt động	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (*)	Chăn nuôi	Trước hoạt động	17.100	45,00	171.000	-	-	-
TỔNG CỘNG					5.171.000			5.000.000

(*) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("BSTN") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900985126 ngày 28 tháng 4 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 1 ngày 29 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, có vốn điều lệ 200.000.000 ngàn VNĐ và Công ty nắm giữ 45% tỷ lệ sở hữu trong BSTN, tương đương 9.000.000 cổ phần phổ thông. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty chưa góp đủ vốn vào BSTN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu (i)	466.444.877	116.473.034
Khoản cho Chính phủ Lào vay – Làng vận động viên SEA Games (ii)	105.619.022	104.561.755
Chi phí đất đai để phát triển Dự án Hải Châu (iii)	81.183.514	81.183.514
Các khoản đầu tư khác (iv)	289.185.038	62.781.438
TỔNG CỘNG	942.432.451	364.999.741
Dự phòng đầu tư dài hạn khác	(30.785.150)	-
Giá trị thuần của các khoản đầu tư dài hạn khác	911.647.301	364.999.741

(i) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai. Chi tiết như sau:

	<i>Đô la Mỹ</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Số nợ gốc đầu kỳ	5.523.976	-
Tăng thêm	16.376.212	-
Số dư nợ gốc cuối kỳ	21.900.188	-
Số dư nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)	466.444.877	-

(ii) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Làng vận động viên SEA Games thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản Ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Chi tiết như sau:

	<i>Đô la Mỹ</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Số nợ gốc đầu kỳ và cuối kỳ	4.958.949	8.958.949
Số dư nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)	105.619.022	189.481.775

(iii) Đất đai để phát triển Dự án Hải Châu đã được thế chấp để vay ngân hàng (Thuyết minh số 25).

(iv) Giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư khác liên quan đến các khoản hợp tác đầu tư vào dự án trồng cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Số dư đầu kỳ	62.487.558	136.460.631
Tăng trong kỳ	15.915.442	12.930.914
Ghi giảm chi phí phát hành của trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu	-	(74.089.398)
Chi phí phân bổ trong kỳ	<u>(11.539.687)</u>	<u>(34.457.273)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>66.863.313</u>	<u>40.844.874</u>

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Trái phiếu chuyển đổi (<i>Thuyết minh 19.1</i>)	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh 19.2</i>)	313.132.291	836.105.239
Vay dài hạn đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 25</i>)	<u>1.726.447.919</u>	<u>595.012.182</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.139.580.210</u>	<u>2.531.117.421</u>

19.1 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2010, Hội đồng Quản trị thông qua phương án và kế hoạch chi tiết thực hiện việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ cho Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd ("NIMP"), một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings Pte Ltd của Singapore phù hợp với các nội dung của phương án phát hành đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết cổ đông ngày 18 tháng 8 năm 2010. Vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ với mệnh giá là 1 triệu VNĐ/trái phiếu. Trái phiếu sẽ được chuyển đổi sang cổ phiếu theo quyết định của trái chủ với mức giá chuyển đổi là 67.375 VNĐ/cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh bởi ảnh hưởng của các sự kiện pha loãng, nếu có. Sẽ không có bất kỳ khoản lãi phát sinh nào sẽ được thanh toán đối với các trái phiếu đã được chuyển đổi. Các trái phiếu không được chuyển đổi thì sẽ được hưởng lãi kể từ ngày mua trái phiếu với mức lãi suất bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng được niêm yết bởi bốn (4) ngân hàng trong nước (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam) cộng (+) 3%/năm được xác định tại ngày phát hành trái phiếu (tiền lãi trái phiếu sẽ được trả khi đáo hạn).

Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Công ty và NIMP đã ký kết Bản điều chỉnh hợp đồng mua bán trái phiếu. Theo đó, Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2010 được điều chỉnh như sau:

- ▶ Ngày Đến hạn: Ngày Đến hạn là ngày 31 tháng 8 năm 2015.
- ▶ Giá chuyển đổi: 25.000 VNĐ/cổ phần và phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.
- ▶ Lãi suất: Lãi Suất Tiền Gửi cộng 3%/năm; được thanh toán hàng năm. "Lãi Suất Tiền Gửi" có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một (1) năm của cá nhân được niêm yết bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam vào ngày 19 tháng 8 năm 2010 và sẽ được điều chỉnh hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

19.1 Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

- ▶ Chuyển đổi và Điều khoản chống pha loãng: Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của Công ty từ ngày 1 tháng 8 năm 2013 cho đến Ngày Đến hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thường, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần tại thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.
- ▶ Giá chuyển đổi sau khi điều chỉnh hiệu ứng pha loãng do phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu bằng mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu theo tỷ lệ 5:1; phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi cổ phiếu quốc tế và chia cổ tức trong năm 2013 là 21.610 VNĐ/cổ phiếu.
- ▶ Quyền yêu cầu Công ty mua lại Trái phiếu: Tại bất kỳ thời điểm nào từ ngày 31 tháng 8 năm 2013 đến Ngày Đến hạn, Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái phiếu với giá thỏa thuận. Theo đó, các trái phiếu trên đã được trình bày trong phần vay ngắn hạn của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

19.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	313.132.291	687.605.239
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	-	148.500.000
TỔNG CỘNG	313.132.291	836.105.239

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc và vườn cây cao su của Công ty.

Chi tiết của các khoản vay ngân hàng như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 12 và 13)</i>
	<i>Ngàn VNĐ</i>			
<i>Vietcombank, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 217/13/NHNT, 3/9/2013	313.132.291	Từ 27 tháng 9 năm 2014 đến 26 tháng 3 năm 2015	Lãi suất thả nổi (10%/năm)	Vườn cây cao su, quyền sử dụng đất tại huyện Chư Prông và Mang Yang – tỉnh Gia Lai; nhà cửa vật kiến trúc và bất động sản gắn liền với khách sạn HAGL Plaza Đà Nẵng; Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	91.498.016	44.503.357
Phải trả nhà thầu xây dựng	811.106	811.106
TỔNG CỘNG	92.309.122	45.314.463

Phải trả cho người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan tổng cộng là 55.282.434 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (*Thuyết minh số 32*).

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Khách hàng thương mại trả tiền trước	741.256.553	444.609.744
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	37.635.663	95.254.885
TỔNG CỘNG	778.892.216	539.864.629

Người mua trả tiền trước bao gồm các bên liên quan trả tiền trước là 729.074.290 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (*Thuyết minh số 32*).

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	35.091.960
Thuế thu nhập cá nhân	1.201.254	935.842
Thuế giá trị gia tăng	351.304	629.442
Các khoản phải nộp khác	24.598	21.478
TỔNG CỘNG	1.577.156	36.678.722

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Chi phí đi vay	362.635.262	206.652.420
Chi phí hoạt động	6.387.716	6.140.719
Các khoản khác	-	850.000
TỔNG CỘNG	369.022.978	213.643.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	2.032.728.292	1.880.917.066
Các khoản khác	102.132.205	34.145.128
TỔNG CỘNG	2.134.860.497	1.915.062.194

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Trái phiếu thường trong nước (<i>Thuyết minh số 25.1</i>)	5.796.073.000	4.146.073.000
Trái phiếu hoán đổi (<i>Thuyết minh số 25.2</i>)	1.130.000.000	1.130.000.000
Vay dài hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh số 25.3</i>)	134.367.792	181.552.570
TỔNG CỘNG	7.060.440.792	5.457.625.570
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i> (<i>Thuyết minh số 19</i>)	1.726.447.919	595.012.182
<i>Nợ dài hạn</i>	5.333.992.873	4.862.613.388

25.1 Trái phiếu thường trong nước

Trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Số tiền</i> <i>Tỷ VNĐ</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC") (i)	Ngày 28 tháng 12 năm 2011	500	Ngày 28 tháng 12 năm 2014
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS") (ii)	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	1.700	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2017
BIDV và BSC (iii)	Ngày 17 tháng 8 năm 2012	850	Ngày 17 tháng 8 năm 2015
ACBS (iv)	Ngày 3 tháng 5 năm 2013	146	Ngày 3 tháng 5 năm 2016
BIDV và BSC (v)	Ngày 9 tháng 7 năm 2013	950	Ngày 9 tháng 7 năm 2016
BIDV và BSC (vi)	Ngày 28 tháng 3 năm 2014	1.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2019
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC") (vii)	Ngày 1 tháng 4 năm 2014	650	Ngày 1 tháng 4 năm 2019
TỔNG CỘNG		5.796	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>		500	
<i>Nợ dài hạn</i>		5.296	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

25.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2011, Công ty phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 500 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ). Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm tính từ ngày 28 tháng 12 năm 2011 với lãi suất là 18% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được niêm yết bởi bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank") – Chi nhánh tỉnh Gia Lai, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank") – Chi nhánh tỉnh Gia Lai, BIDV – Chi nhánh tỉnh Gia Lai và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("VCB") – Chi nhánh tỉnh Gia Lai và cộng với biên độ 4%/năm. Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu sẽ được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư các dự án của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; trồng mới và chăm sóc 9.950 ha cao su tại tỉnh Attapeu, Lào; xây dựng nhà máy đường với công suất 7.000 tấn mía/ngày, nhà máy nhiệt điện với công suất 30 MW và nhà máy sản xuất ethanol và phân vi sinh và xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Kông 2 với công suất 66MW. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là một phần quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 10.000 ha thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, công ty con tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Các trái phiếu này đã được phân loại sang khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (*Thuyết minh số 19*).

- (ii) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2012, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 2.500 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000 VNĐ) do ACBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 18,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười ba (13) tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 6,5%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín, ACBS và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("Eximbank") căn cứ theo các hợp đồng ngày 26 tháng 4 năm 2012, hợp đồng số 01/HĐMBTP.12 ngày 14 tháng 5 năm 2012 và hợp đồng số 1506/2012/HĐ/EIB-HAGL ngày 18 tháng 6 năm 2012 với số tiền thu được lần lượt là 450 tỷ VNĐ, 450 tỷ VNĐ và 800 tỷ VNĐ. Theo đó, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 1.700 tỷ VNĐ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á, Công ty Cổ phần Hoàn Mai, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") và Eximbank tương ứng là 380 tỷ VNĐ, 80 tỷ VNĐ, 440 tỷ VNĐ và 800 tỷ VNĐ.

Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án nhà máy mía đường, nhiệt điện, ethanol và phân vi sinh tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; dự án thủy điện Đắk Srông 3A, công suất 10,2MW, tại huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, Việt Nam; dự án thủy điện Nậm Kông 2, công suất 66MW, tại huyện Phou Vong, tỉnh Attapeu, Lào và tài cấu trúc nợ vay của Tập đoàn. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 87,24 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

25.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

- (iii) Vào ngày 17 tháng 8 năm 2012, Công ty đã phát hành đợt trái phiếu thường trị giá 850 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ được hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 17 tháng 8 năm 2015. Trái phiếu này chịu lãi suất 16%/năm cho kỳ thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ, trả sau, kỳ hạn mười hai (12) tháng công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại tỉnh Gia Lai gồm: Chi nhánh Agribank tỉnh Gia Lai, Chi nhánh Vietinbank tỉnh Gia Lai, Chi nhánh BIDV tỉnh Gia Lai và Chi nhánh VCB tỉnh Gia Lai tại mỗi Ngày Xác Định Lãi Suất cộng (+) biên độ 5%/năm. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 17 tháng 2 và ngày 17 tháng 8. Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu này được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản nợ của Công ty. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng quyền thuê đất và tài sản gắn liền với đất với quy mô 4.897,54 ha tại tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh, công ty con tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- (iv) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 450 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000 VNĐ) do ACBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất là 15% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn mười ba (13) tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("OCB") của ba tháng gần nhất cộng biên độ lãi suất 6%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho OCB theo hợp đồng số 01/2013/HĐMBTP/OCB-DT ngày 25 tháng 4 năm 2013 với số tiền thu được là 146.073 triệu VNĐ. Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty và tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp. Các trái phiếu trên được đảm bảo bằng 13,92 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- (v) Vào ngày 9 tháng 7 năm 2013, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 950 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do BIDV và BSC thu xếp phát hành. Những trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm với lãi suất là 14% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố bởi bốn ngân hàng thương mại tại chi nhánh Gia Lai, bao gồm: Chi nhánh Agribank tỉnh Gia Lai, Chi nhánh VCB tỉnh Gia Lai, Chi nhánh BIDV tỉnh Gia Lai, Chi nhánh Vietinbank tỉnh Gia Lai cộng với biên độ 5%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Cho đến thời điểm ngày 9 tháng 7 năm 2013, Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho BIDV theo hợp đồng ngày 9 tháng 7 năm 2013 với tổng số tiền thu được là 950 tỷ VNĐ. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 72,66 triệu cổ phiếu của Công ty nắm giữ bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và khoản tiền gửi tiết kiệm 120 tỷ VNĐ tại Chi nhánh BIDV tỉnh Gia Lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

25.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

- (vi) Vào ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng trị giá là 1.000 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do BIDV và BSC thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 12% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm: Chi nhánh Agribank – Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Vietinbank – Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh BIDV – Sờ Giao Dịch 2 và Chi nhánh VCB – Thành phố Hồ Chí Minh và cộng (+) với biên độ 4%/năm. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 28 tháng 3 và 28 tháng 9. Cho đến thời điểm ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho BIDV với tổng số tiền thu được là 950 tỷ VNĐ và cho Công ty TNHH MTV Bảo hiểm ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng số tiền thu được là 50 tỷ VNĐ theo các hợp đồng ký ngày 26 tháng 3 năm 2014. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 3.637 ha cây cao su tại tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam; dự án trồng và chăm sóc 9.000 ha cây cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 8.216 ha cây cọ dầu tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 4.900 ha cây cao su tại tỉnh Attapeu và SeKong, Lào. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền với quy mô 4.897,54 ha tại tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh – Quang Minh; quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 10.000 ha thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; quyền thuê đất và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại huyện Phou Vong, tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu, là các công ty con của Công ty tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- (vii) Vào ngày 1 tháng 4 năm 2014, Công ty phát hành trái phiếu với tổng trị giá là 650 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do PHUGIASC thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 13,5% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi mỗi sáu (6) tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại HDBank và cộng (+) với biên độ 6%/năm. Tiền lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần tính từ ngày phát hành. Cho đến thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2014, Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho HDBank theo hợp đồng số 01/2014/HĐMTP ngày 1 tháng 4 năm 2014 với tổng số tiền thu được là 650 tỷ VNĐ. Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu được sử dụng để tái cấu trúc tài chính và bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 15 triệu cổ phiếu của Công ty do Chủ tịch Hội đồng Quản trị nắm giữ và 50 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai do Công ty nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

25.2 Trái phiếu hoán đổi

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2011, Công ty đã phát hành trái phiếu hoán đổi trị giá 1.130.000.000 ngàn VNĐ cho NIMP với các nội dung chi tiết như sau:

- ▶ Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 VNĐ.
- ▶ Số lượng trái phiếu phát hành: 1.130.000.
- ▶ Kỳ hạn trái phiếu: 4 năm kể từ ngày phát hành (tức ngày 30 tháng 6 năm 2015) với quyền gia hạn thêm 2 năm theo sự thoả thuận của chủ sở hữu trái phiếu.
- ▶ Lãi trái phiếu: thanh toán hàng năm với mức lãi suất được tính như sau:

Lãi suất = 5% x (1+ Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái).

“Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái” có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VNĐ do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu đến trước ngày 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi.

Nếu việc tính toán lãi suất trên đây không được pháp luật có liên quan cho phép, lãi suất sẽ được tính như sau:

Lãi Suất = 5% x (1+y)ⁿ

Trong đó “y” có nghĩa là (i) tỷ lệ được nhà đầu tư và Công ty thỏa thuận và đồng ý tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày đầu tiên của thời hạn thanh toán lãi, hoặc (ii) trong trường hợp nhà đầu tư và Công ty không thể đạt được thỏa thuận về tỷ lệ đó, 10%, “n” có nghĩa là số đợt thời hạn thanh toán lãi đã trôi qua kể từ Ngày phát hành đến và bao gồm thời hạn thanh toán lãi đó.

- ▶ Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai do Công ty nắm giữ tại bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày phát hành, tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày phát hành.
- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, các trái phiếu này đã được phân loại sang khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (Thuyết minh số 19).

25.3 Vay dài hạn ngân hàng

Ngàn VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – Chi nhánh Đà Nẵng	114.969.981	150.154.758
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Gia Lai	16.897.811	24.897.812
Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh Gia Lai	2.500.000	6.500.000
TỔNG CỘNG	134.367.792	181.552.570
<i>Trong đó:</i>		
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	96.447.919	95.012.182
Nợ dài hạn	37.919.873	86.540.388

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 9, 12, 13, 15 và 17)
Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng Hợp đồng tín dụng số 10270, 28/5/2009	Ngân VNĐ 65.751.231	Hoàn trả trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, ân hạn 24 tháng	0,875%/tháng trong 6 tháng đầu, sau đó lãi suất được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,36%/tháng	Đất tại phường Bình Hiên, Bình Thượn, Hải Châu, Đà Nẵng; đất tại Bàu Thạc Gián, phường Thạc Gián, Đà Nẵng; đất tại Hoa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hợp đồng tín dụng số LD 0931400065, 10/11/2009	30.937.500	Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	0,875%/tháng trong 1 tháng đầu, sau đó lãi suất được điều chỉnh theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,36%/tháng	Đất tại Phần Lãng, An Khê, Thanh Khê, Đà Nẵng
Hợp đồng vay số 7683, 6/8/2007	18.281.250	Hoàn trả trong vòng 120 tháng, được thanh toán hàng quý làm 32 lần, lần đầu vào tháng 12 năm 2009	1,1%/tháng trong 6 tháng đầu, sau đó, lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng + 0,45%/tháng, điều chỉnh 2 lần mỗi năm	Đất tại Nguyễn Văn Linh, Hải Châu, Đà Nẵng
Tổng cộng Sacombank	114.969.981			
Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	77.050.108			

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 9, 12, 13 15 và 17)
Ngàn VNĐ				
Vietcombank, Chi nhánh Gia Lai Hợp đồng tín dụng số 140/05A/NHNT, 27/6/2006	16.897.811	Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	Lãi suất thả nổi (từ 11,4% đến 12,3%/năm)	Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất của dự án Đà Nẵng Plaza
Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	16.897.811			
Vietinbank, Chi nhánh Gia Lai Hợp đồng tín dụng số 99/HĐTĐ, 25/8/2006	2.500.000	Hoàn trả trong vòng 96 tháng, thanh toán làm 32 lần, hàng quý, lần thanh toán đầu tiên vào ngày 25/3/2007	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 3%/ năm và điều chỉnh 2 lần mỗi năm (vào ngày 1 tháng 2 và 1 tháng 8)	Toàn bộ tài sản của khu nghỉ dưỡng Hoàng Anh Đà Lạt được tài trợ bởi khoản vay này
Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	2.500.000			

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để xây dựng và phát triển các khách sạn, khu nghỉ dưỡng, căn hộ và mua sắm máy móc và thiết bị.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Ngân VNĐ
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013	5.373.710.490	2.880.972.568	8.622.737	223.672.692	798.857.935	9.285.836.422
Chào bán cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu (*)	1.074.742.100	(22.142.330)	-	-	-	1.052.599.770
Phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi trái phiếu quốc tế (**)	733.094.340	685.608.546	-	-	-	1.418.702.886
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	81.341.444	81.341.444
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	4.067.072	(6.507.315)	(2.440.243)
Thủ lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	-	(457.800)	(457.800)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	8.622.737	227.739.764	873.234.264	11.835.582.479

(*) Công ty đã chào bán 107.474.210 cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu tại ngày 8 tháng 4 năm 2013 theo tỷ lệ 5:1 (cổ đông sở hữu 5 (năm) cổ phần sẽ được quyền mua 1 (một) cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0401/13/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 4 tháng 1 năm 2013 và giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 06/GCN-UBCK ngày 21 tháng 3 năm 2013 cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Ngày 3 tháng 6 năm 2013, Công ty đã nhận đủ 1.074.742.100 ngân VNĐ cho việc phát hành này. Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần và tăng tiền tương ứng. Chi phí phát hành số cổ phiếu này số tiền 22.142.330 ngân VNĐ đã được ghi nhận vào thặng dư âm vốn cổ phần.

(**) Ngày 28 tháng 5 năm 2013, Công ty đã phát hành riêng lẻ 73.309.434 cổ phần phổ thông để chuyển đổi 75 triệu Đô la Mỹ trái phiếu quốc tế. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0401/13/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 4 tháng 1 năm 2013, công văn số 1551/UBCK-QLPH ngày 23 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và hợp đồng chuyển đổi ngày 10 tháng 5 năm 2013. Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần 733.094.340 ngân VNĐ, tăng thặng dư vốn cổ phần 685.608.546 ngân VNĐ sau khi đã trừ đi các chi phí thu xếp phát hành, và ghi giảm nợ vay trái phiếu quốc tế 1.562.100.000 ngân VNĐ.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Ngân VNĐ Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2014	7.181.546.930	3.544.438.784	8.622.737	230.027.423	551.721.939	11.516.357.813
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	27.423.459	27.423.459
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.371.173	(2.193.877)	(822.704)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	-	(3.745.570)	(3.745.570)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	7.181.546.930	3.544.438.784	8.622.737	231.398.596	573.205.951	11.539.212.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	718.154.693	718.154.693
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	718.154.693	718.154.693
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	718.154.693	718.154.693
Cổ phiếu đang lưu hành	718.154.693	718.154.693
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	718.154.693	718.154.693

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngàn VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Doanh thu gộp	580.885.245	584.436.695
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	324.647.933	355.152.425
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	114.972.888	101.594.324
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	102.671.623	91.914.039
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	38.592.801	35.775.907
Các khoản giảm trừ	(1.056.444)	(222.227)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(904.000)	(34.171)
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(152.444)	(188.056)
Doanh thu thuần	579.828.801	584.214.468
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	323.743.933	355.118.254
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	114.972.888	101.594.324
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	102.671.623	91.914.039
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	38.440.357	35.587.851

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Lãi cho vay	435.132.455	210.641.252
Lãi tiền gửi ngân hàng	23.936.667	34.566.058
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	6.478.643	4.151.924
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	1.343.469	422.294.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	816.491	501.414
Cổ tức nhận được	-	3.500.000
TỔNG CỘNG	<u>467.707.725</u>	<u>675.654.648</u>

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa đã bán	253.439.790	307.859.707
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	83.721.146	91.423.308
Giá vốn căn hộ	80.980.140	74.982.118
Giá vốn dịch vụ cung cấp	32.245.576	29.926.137
TỔNG CỘNG	<u>450.386.652</u>	<u>504.191.270</u>

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Chi phí đi vay	439.855.419	511.569.750
Chi phí phát hành trái phiếu	6.988.033	27.976.539
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	30.785.150	6.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	673.278	1.382.675
Các khoản khác	80.049	3.762.600
TỔNG CỘNG	<u>478.381.929</u>	<u>550.691.564</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Thu nhập khác	2.249.751	5.255.664
Thu nhập chuyển giao tài sản, phần mềm máy tính trong Tập đoàn (*)	141.054.942	26.200.486
Giá trị tài sản, phần mềm máy tính chuyển giao trong Tập đoàn (*)	(141.054.942)	(26.200.486)
Tiền bồi thường nhận được	1.570.141	1.795.672
Thu nhập thanh lý tài sản	159.580	2.907.970
Các khoản khác	520.030	552.022
Chi phí khác	(1.714.473)	(19.488.354)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(902.950)	(2.903.470)
Các khoản phạt	(218.440)	(15.871.213)
Các khoản khác	(593.083)	(713.671)
Lãi (lỗ) thuần	535.278	(14.232.690)

(*) Nhằm tập trung hoá trong quy trình mua sắm tài sản trong Tập đoàn, trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc mua sắm, triển khai và chuyển giao hệ thống phần mềm SAP trị giá 119.659.937 ngàn VNĐ và tài sản khác trị giá 21.395.005 ngàn VNĐ tới các công ty con trong Tập đoàn theo giá gốc (sáu tháng đầu năm 2013: 26.200.486 ngàn VNĐ).

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ bao gồm:

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Thuế TNDN hiện hành	8.611.110	33.342.031
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	-	2.145.078
	8.611.110	35.487.109
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	329.723
TỔNG CỘNG	8.611.110	35.816.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Lợi nhuận trước thuế	36.034.569	117.158.276
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán		
Các khoản phạt	519.885	15.845.973
Các chi phí không được khấu trừ	9.065.598	9.334.691
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	(1.318.891)
Thu nhập cổ tức	-	(3.500.000)
Các khoản khác	(6.478.643)	(4.151.924)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	39.141.409	133.368.125
Thuế TNDN hiện hành ước tính	8.611.110	33.342.031
Trích thiếu chi phí thuế TNDN trong các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	-	2.145.078
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	8.611.110	35.487.109
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	35.091.960	36.707.117
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(44.836.922)	(4.241.016)
Thuế TNDN phải trả cần trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo thông báo của cơ quan thuế	-	(35.310.664)
Thuế TNDN (nộp thừa) phải trả cuối kỳ	(1.133.852)	32.642.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	50.000.000
		Cho mượn tạm	6.964.000
		Thu hồi tiền cho vay và mượn tạm	8.000.000
		Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	4.482.153
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	670.833
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	500.000.000
		Thu hồi tiền cho vay và mượn tạm	309.337.500
		Cho mượn tạm	53.112.300
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	11.241.667
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	12.491.407
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	15.603.243
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	22.744.410
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.284.299
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	157.182.986
		Chuyển giao tài sản	21.395.005
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	49.238.624
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.433.623
		Vay mượn tạm	280.157.959
Công ty TNHH điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	25.217.704
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	3.133.650
		Mua dịch vụ quảng cáo	6.500.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	200.000.000
		Cho mượn tạm	543.011.103
		Thu hồi tiền cho vay và mượn tạm	100.000.000
		Chuyển giao tài sản	47.863.975
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	35.483.229
Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	3.893.678		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ	
				Số tiền
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	231.340.260	
		Thu hồi tiền cho vay và mượn tạm		1.050.000
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	17.440.180	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	592.174.000	
		Thu hồi tiền cho vay và mượn tạm	425.000.000	
		Chuyển giao tài sản		51.282.830
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	6.683.941	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Các khoản khác	883.316	
		Vay mượn tạm	45.465.671	
		Trả tiền vay	35.624.000	
		Chuyển giao tài sản		6.837.711
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	49.044.715	
		Vay mượn tạm	35.350.000	
		Trả tiền vay	12.160.100	
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	Công ty con	Chuyển giao tài sản	13.675.421	
		Trả tiền vay	91.235.403	
		Cho mượn tạm	30.712.435	

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ	
				Số dư
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	51.114.231	
		Hợp đồng xây dựng	61.500.987	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Chuyển giao tài sản	52.148.296	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chuyển giao tài sản	48.675.003	
		Bán hàng hóa và dịch vụ	334.274	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chuyển giao tài sản	13.913.133	
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Hợp đồng xây dựng	9.359.740	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ Số dư
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6) (tiếp theo)			
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ Hợp đồng xây dựng	2.013.240 7.008.074
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chuyển giao tài sản	6.953.106
Công ty TNHH điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	6.229.791
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Hợp đồng xây dựng	5.723.697
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.641.819
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.313.268
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.106.308
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Trúc Thịnh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	4.173.740
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.449.686
TỔNG CỘNG			<u>275.658.393</u>
Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước dịch vụ quảng cáo	<u>92.000.120</u>
Phải thu khác (Thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi Cho mượn tạm Chi phí trả hộ	689.758.837 932.471.821 9.416.119
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	769.027.095
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi Cho mượn tạm	384.580.674 230.408.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngân VNĐ</i> <i>Số dư</i>
<i>Phải thu khác (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)</i>			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	464.271.552
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	397.650.573
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	274.548.620
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi Cho mượn tạm	50.670.833 6.254.872
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí trả hộ	53.766.178
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Chi phí trả hộ Cho mượn tạm	40.968.545 1.557.039
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	Công ty con	Cho mượn tạm	30.735.876
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	29.887.893
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Công ty con	Cho mượn tạm	24.125.417
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	765.200
TỔNG CỘNG			<u>4.390.865.951</u>
<i>Phải trả cho người bán (Thuyết minh số 20)</i>			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	53.886.779
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	808.520
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	410.153
Khác	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	176.982
TỔNG CỘNG			<u>55.282.434</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ Số dư
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 21)			
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	143.395.498
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	121.217.090
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	114.095.780
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	109.558.424
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	98.649.246
Công ty TNHH điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	97.853.180
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	41.418.762
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	2.886.310
TỔNG CỘNG			<u>729.074.290</u>
Phải trả khác (Thuyết minh số 24)			
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	1.252.843.238
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	489.375.279
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	280.157.959
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Vay mượn tạm	6.093.450
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Vay mượn tạm	450.000
TỔNG CỘNG			<u>2.032.728.292</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký như sau:

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
<i>Hội đồng Quản trị</i>		
Thù lao và thưởng	3.341.447	-
<i>Ban kiểm soát</i>		
Thù lao và thưởng	117.300	163.800
<i>Ban Giám đốc</i>		
Lương và thưởng	5.985.240	6.759.960
<i>Ban thư ký</i>		
Thù lao và thưởng	286.823	294.000
TỔNG CỘNG	<u>9.730.810</u>	<u>7.217.760</u>

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, các tiện nghi của khách sạn và trồng cây cao su. Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Dưới 1 năm	893.350	893.350
Từ 1 đến 5 năm	3.573.399	3.573.399
Trên 5 năm	31.910.977	32.353.981
TỔNG CỘNG	<u>36.377.726</u>	<u>36.820.730</u>

Cam kết góp vốn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có khoản cam kết với tổng số tiền là 89.829.000 ngàn VNĐ liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Các cam kết khác

(i) Trong năm 2011 và 2012, Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai ("CSHAGL"), công ty con của Công ty, đã phát hành mới 31.407.000 cổ phiếu cho các cổ đông không kiểm soát của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN") để hoán đổi 31.407.000 cổ phiếu hiện hữu của HAN do các cổ đông không kiểm soát này nắm giữ. Theo đó, Công ty có cam kết với bên góp vốn rằng trong trường hợp cổ phiếu của CSHAGL không niêm yết tại Việt Nam trước ngày 15 tháng 8 năm 2015, thì khi có yêu cầu của bên góp vốn, Công ty có nghĩa vụ mua lại toàn số cổ phần CSHAGL mà bên góp vốn đang nắm giữ với giá mua lại bằng tổng giá trị góp vốn cộng với một khoản chênh lệch để bên góp vốn được hưởng tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) là 20% tính từ ngày hoàn tất (tức ngày 15 tháng 8 năm 2012).

(ii) Như trình bày tại thuyết minh số 25.2, vào ngày 15 tháng 7 năm 2011, Công ty đã phát hành trái phiếu hoán đổi với giá trị là 1.130 tỷ VNĐ theo hợp đồng ký ngày 1 tháng 7 năm 2011 và hợp đồng sửa đổi ký ngày 26 tháng 3 năm 2013 với NIMP. Theo đó, Công ty cam kết cổ phiếu của CSHAGL sẽ được niêm yết trên một Sở Giao dịch chứng khoán được công nhận, là bất kỳ sở giao dịch chứng khoán nào trong số Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Singapore Exchange Securities Trading Limited và bất kỳ Sở Giao dịch chứng khoán được công nhận trên thế giới nào khác được nhà đầu tư chấp thuận, trước ngày 30 tháng 6 năm 2015 ("ngày đến hạn").

Trong trường hợp CSHAGL không đáp ứng đầy đủ các cam kết như trên, bên sở hữu trái phiếu có quyền yêu cầu Công ty thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền được tính toán và thống nhất trong hợp đồng phát hành trái phiếu.

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động đầu tư.

Trong quá trình hoạt động bình thường của mình, Công ty có khả năng gặp phải các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về bất động sản và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm trái phiếu, các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
		<i>Ngàn VNĐ</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014		
VNĐ	+300	(130.206.104)
VNĐ	-300	130.206.104
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013		
VNĐ	+300	(125.016.318)
VNĐ	-300	125.016.318

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với ngoại tệ (tiếp theo)

	<i>Thay đổi tỷ giá USD (%)</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế Ngàn VNĐ</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014		
	+1	7.894.645
	-1	(7.894.645)
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013		
	+1	3.849.944
	-1	(3.849.944)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được các rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản: (i) việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi đề án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch; (ii) rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản vay trong Tập đoàn.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Cho vay

Công ty có cho các công ty con trong cùng Tập đoàn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Phúc, An Phú, Công ty TNHH Thủy điện Tây Nguyên và Chính phủ Lào vay tiền. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Ngân VNĐ</i>		
	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 30 tháng 6 năm 2014			
Các khoản vay và nợ	909.580.210	5.333.992.873	6.243.573.083
Trái phiếu chuyển đổi và hoán đổi	2.230.000.000	-	2.230.000.000
Phải trả người bán	92.309.122	-	92.309.122
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.500.075.109	-	2.500.075.109
TỔNG CỘNG	5.731.964.441	5.333.992.873	11.065.957.314
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Các khoản vay và nợ	1.431.117.421	3.732.613.388	5.163.730.809
Trái phiếu chuyển đổi và hoán đổi	1.100.000.000	1.130.000.000	2.230.000.000
Phải trả người bán	45.314.463	-	45.314.463
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.124.729.333	-	2.124.729.333
TỔNG CỘNG	4.701.161.217	4.862.613.388	9.563.774.605

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố tiền gửi ngân hàng, hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình cho các khoản vay và trái phiếu phát hành (*Thuyết minh số 19 và 25*).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của An Phú.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị: VNĐ
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	Giá gốc	Giá gốc	Giá gốc	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
Cho vay	572.063.899	221.034.789	572.063.899	221.034.789	
Phải thu khách hàng	518.826.862	266.389.930	518.826.862	266.389.930	
Phải thu các bên liên quan	4.286.715.109	2.834.606.377	4.286.715.109	2.834.606.377	
Các khoản phải thu khác	1.652.477.404	1.621.270.102	1.652.477.404	1.621.270.102	
Đầu tư ngắn hạn	81.783.240	81.783.240	81.783.240	81.783.240	
Đầu tư vào công ty khác	289.185.038	62.781.438	258.399.888	62.781.438	
Tiền	1.533.369.616	1.547.434.971	1.533.369.616	1.547.434.971	
TỔNG CỘNG	8.934.421.168	(30.785.150)	8.903.636.018	6.635.300.847	

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị: VNĐ
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	Giá gốc	Giá gốc	Giá gốc	Dự phòng	
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	8.473.573.083	7.393.730.809	8.473.573.083	7.393.730.809	
Phải trả các bên liên quan	2.028.919.926	1.880.917.066	2.028.919.926	1.880.917.066	
Phải trả người bán	92.309.122	45.314.463	92.309.122	45.314.463	
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	471.155.183	243.812.267	471.155.183	243.812.267	
TỔNG CỘNG	11.065.957.314	9.563.774.605	11.065.957.314	9.563.774.605	

Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính có chênh lệch trọng yếu so với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày


36. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của kỳ trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ này.

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 13 tháng 8 năm 2014, Công ty đã công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2014 ngày 18 tháng 4 năm 2014. Theo đó, Công ty sẽ phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 71.815.469 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn chi trả cổ tức sẽ được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và danh sách cổ đông nhận cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được chốt vào ngày 29 tháng 8 năm 2014.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.


Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2014